

## XÂY DỰNG KHUNG NĂNG LỰC TỰ HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG TỰ HỌC CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

Lương Quốc Thái

*Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng*

**Tóm tắt.** Thực tiễn dạy học cho thấy, tự học có ý nghĩa rất quan trọng trong quá trình học tập. Học trên lớp chỉ có thời gian nhất định còn tự học là quá trình lâu dài, học suốt đời. Hiệu quả của quá trình tự học phụ thuộc vào ý chí, tố chất, động cơ và năng lực của người học. Vì vậy, bồi dưỡng năng lực tự học cho học sinh THPT là một nhiệm vụ quan trọng và cần thiết đối với quá trình dạy học trong các trường THPT. Năng lực tự học chỉ được hình thành và phát triển nếu người học có ý chí, động cơ, năng lực và phải tự học theo phương pháp hợp lý, phù hợp với điều kiện hiện có. Bài báo này giới thiệu khung năng lực tự học và thực trạng phát triển năng lực tự học của HS THPT.

**Từ khóa:** Năng lực tự học, biện pháp, biểu hiện, kỹ năng, học sinh trung học phổ thông.

### 1. Mở đầu

Ngay từ thời cổ đại, các nhà giáo dục lỗi lạc như Khổng Tử, Democrius đã rất chú ý giảng dạy theo năng lực của đối tượng và chú ý kích thích sự suy nghĩ để phát triển năng lực (PTNL) tư duy của người học. Đến cuối thế kỷ XIX, John Dewey khẳng định: "*Nền giáo dục đích thực là nền giáo dục khuyến khích mọi năng lực của đứa trẻ, thông qua sự đòi hỏi của hoàn cảnh xã hội và trong đó đứa trẻ luôn tìm được chính mình*". Hiện nay, giáo dục thế giới đang phát triển theo xu hướng tiếp cận năng lực của người học mà đặc biệt là rèn luyện năng lực tự học (NLTH), năng lực tư duy, năng lực giải quyết vấn đề, trong đó phải kể đến các nước có nền giáo dục phát triển đang tiên phong theo xu hướng giáo dục mới là Australia, Hoa Kỳ, Hàn Quốc,... Ở Việt Nam, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI đã ra Nghị quyết 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, trong đó đặc biệt chú trọng đổi mới dạy và học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Trong 10 năng lực của học sinh, năng lực tự học (NLTH) được đặt lên hàng đầu và đóng vai trò quan trọng trong quá trình học tập của HS. Để tìm hiểu thực tế NLTH của HS ở các trường THPT thì chúng ta cần nghiên cứu về NLTH, xây dựng khung NLTH và tiến hành khảo sát NLTH tại các trường THPT. Thông qua đó, chúng ta có thể đưa ra được những biện pháp để bồi dưỡng và nâng cao NLTH cho HS THPT.

Đã có nhiều nghiên cứu về NLTH như tác giả Rubakin với tài liệu "Tự học như thế nào" [1]; tác giả Nguyễn Cảnh Toàn với tài liệu "Tự giáo dục, tự học, tự nghiên cứu", "Học và dạy cách học" [2, 3]; tác giả Lưu Thị Lương Yên và Nguyễn Thị Ngọc Bích với bài báo "Phát triển năng lực tự học của HS thông qua việc sử dụng Sơ đồ tư duy trong dạy học phần Hidrocacbon-Hóa học 11 THPT" [4]... Các nghiên cứu này đã chỉ rõ những vấn đề lý luận về tự học như khái niệm, vai trò của tự học, các hình thức tự học, chu trình dạy - tự học,... Trong bài viết này, chúng

---

Ngày nhận bài: 13/8/2019. Ngày sửa bài: 10/9/2019. Ngày nhận đăng: 17/9/2019.

Tác giả liên hệ: Lương Quốc Thái. Địa chỉ e-mail: [luongquocthai@haiphong.edu.vn](mailto:luongquocthai@haiphong.edu.vn)

tôi xác định cấu trúc của năng lực tự học, tiến hành khảo sát và đưa ra một số biện pháp để nâng cao năng lực tự học cho HS THPT.

## **2. Nội dung nghiên cứu**

### **2.1. Tổng quan về năng lực tự học**

#### **\* Khái niệm năng lực**

Theo Từ điển tiếng Việt, năng lực được hiểu "*Là khả năng, điều kiện chủ quan hoặc tự nhiên sẵn có để thực hiện một hoạt động nào đó*" hoặc "*Là phẩm chất tâm sinh lí và trình độ chuyên môn tạo cho con người khả năng hoàn thành một loại hoạt động nào đó với chất lượng cao*" [5]. Theo định nghĩa của Quebec (Canada): "Năng lực là khả năng vận dụng những kiến thức kinh nghiệm, kĩ năng, thái độ và hứng thú để hành động một cách phù hợp và có hiệu quả trong các tình huống đa dạng của cuộc sống" [6, tr. 848]. Theo Chương trình giáo dục phổ thông Chương trình tổng thể: "*Năng lực là thuộc tính cá nhân được hình thành, phát triển nhờ tố chất sẵn có và quá trình học tập, rèn luyện, cho phép con người huy động tổng hợp các kiến thức, kĩ năng và các thuộc tính cá nhân khác như hứng thú, niềm tin, ý chí,... thực hiện thành công một loại hoạt động nhất định, đạt kết quả mong muốn trong những điều kiện cụ thể*" [7, tr. 36].

Trong dạy học PTNL cho người học, hầu hết các quan điểm đều chia năng lực thành hai nhóm: 1/ *Năng lực cốt lõi là năng lực cơ bản*, thiết yếu mà bất kì ai cũng phải có để sống, học tập và làm việc hiệu quả. Năng lực này được hình thành và phát triển liên quan đến nhiều môn học gồm 3 năng lực (tự chủ và tự học; giao tiếp và hợp tác; GQVĐ sáng tạo). Theo chúng tôi trong dạy học học sinh (HS) trung học phổ thông (THPT), năng lực tự chủ và tự học là một trong những năng lực quan trọng nhất đối với sự phát triển phẩm chất, năng lực của HS; 2/ *Năng lực đặc biệt là những năng khiếu về trí tuệ, văn nghệ, thể thao, kĩ năng sống,... nhờ tố chất sẵn có ở mỗi người* [8, tr. 36], vì thế chương trình giáo dục Quebec gọi là năng lực môn học cụ thể để phân biệt với năng lực xuyên chương trình - năng lực chung.

#### **\* Khái niệm tự học**

Định nghĩa về tự học (self- directed learning) của Malcolm I'Shepherd Knowles được sử dụng nhiều hơn cả trong các nghiên cứu về giáo dục học, đó là: "*Tự học là một quá trình mà người học tự thực hiện các hoạt động học tập, có thể cần hoặc không cần sự hỗ trợ của người khác, dự đoán được nhu cầu học tập của bản thân, xác định được mục tiêu học tập, phát hiện ra nguồn tài liệu, con người giúp ích được cho quá trình học tập, biết lựa chọn và thực hiện chiến lược học tập và đánh giá được kết quả thực hiện*" [9, tr. 18].

Tự học của HS có vai trò quan trọng đối với yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng đào tạo tại các trường phổ thông. Đổi mới PPDH theo hướng tích cực hóa người học sẽ phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo của người học trong việc lĩnh hội tri thức khoa học. Ngay từ khi còn học ở trường THPT, nếu HS rèn luyện tốt NLTH, có khả năng và phương pháp tự học, tự nghiên cứu thì khi lên đến các bậc học cao hơn như đại học, cao đẳng,... HS sẽ dễ dàng thích ứng với PPDH hiện nay.

#### **\* Khái niệm năng lực tự học**

Trong quá trình nghiên cứu về NLTH các tác giả như: Linda Leach, Guglielmino Candy, Taylor, Nguyễn Cảnh Toàn, Thái Duy Tuyên, Trịnh Quốc Lập, Trần Bá Hoành... đã đưa ra định nghĩa về khái niệm NLTH. Nhìn chung các tác giả đều thống nhất NLTH không chỉ dừng ở mức độ chủ động thu nhận kiến thức, có thái độ và kĩ năng phù hợp mà còn nhấn mạnh vào khả năng vận dụng thực tế. *NLTH là những khả năng và kĩ xảo học được của cá thể nhằm giải quyết các tình huống xác định hoặc NLTH là khả năng thực hiện các hoạt động tự học* [2, 3, 9, 10].

## 2.2. Một số thành tố và biểu hiện của năng lực tự học

### 2.2.1. Một số thành tố của NLTH [8, tr. 41]

- Năng lực định hướng: Xác định được nhiệm vụ học tập dựa trên kết quả học tập đã đạt được và định hướng phấn đấu tiếp; biết đặt mục tiêu học tập chi tiết, cụ thể, khắc phục những hạn chế.

- Năng lực thực hiện: Đánh giá và điều chỉnh được kế hoạch học tập; hình thành cách học tập riêng của bản thân; tìm kiếm, đánh giá và lựa chọn nguồn tài liệu phù hợp với các mục đích, nhiệm vụ học tập khác nhau; ghi chép thông tin đọc được bằng các hình thức phù hợp, thuận lợi cho việc ghi nhớ, sử dụng, bổ sung khi cần thiết.

- Năng lực đánh giá và vận dụng: Tự nhận ra và điều chỉnh những sai sót, hạn chế của bản thân trong quá trình học tập; suy ngẫm cách học của mình, rút kinh nghiệm để có thể vận dụng vào các tình huống khác; biết tự điều chỉnh cách học.

- Năng lực rèn luyện bản thân: Biết thường xuyên tu dưỡng theo mục tiêu phấn đấu cá nhân và các giá trị công dân.

### 2.2.2. Một số biểu hiện của năng lực tự học

NLTH là một khái niệm trừu tượng và bị chi phối bởi rất nhiều yếu tố. Trong nghiên cứu khoa học, để xác định được sự thay đổi các yếu tố của NLTH sau một quá trình học tập, các nhà nghiên cứu đã tập trung mô phỏng xác định những dấu hiệu của NLTH được bộc lộ ra ngoài. Tác giả Taylor [6, tr. 3] khi nghiên cứu về vấn đề tự học của HS trong trường phổ thông đã xác nhận người tự học là người có động cơ học tập và bền bỉ, có tính độc lập, kỉ luật, tự tin và biết định hướng mục tiêu, có kĩ năng hoạt động phù hợp dựa trên thái độ, tính cách và kĩ năng của người tự học. Còn tác giả khác là Candy đã liệt kê 12 biểu hiện của người có NLTH dựa trên tính cách và phương pháp học tập [10].

Trong bối cảnh của nền giáo dục ở Việt Nam, NLTH được biểu hiện thông qua kết quả học tập đạt được, kĩ năng lập kế hoạch, kĩ năng đánh giá, kĩ năng giải quyết vấn đề, kĩ năng thực hành, kĩ năng giao tiếp xã hội, khả năng sáng tạo, kĩ năng tự điều chỉnh trong học tập. Cụ thể:

#### **\* Kĩ năng lập kế hoạch**

Là tập hợp các hoạt động để ấn định những mục tiêu, xác định thời điểm, địa điểm, thời lượng và biện pháp tốt nhất để thực hiện mục tiêu đó. Biểu hiện cụ thể của hoạt động này là: Dự kiến thời gian hoàn thành một hoạt động, lập thời gian biểu chi tiết, phân chia công việc trong nhóm, dự kiến địa điểm thực hiện khả thi, ấn định nội dung học tập cần đạt.

#### **\* Kĩ năng sáng tạo**

Theo từ điển tiếng Việt: “Sáng tạo là tạo ra những giá trị mới về chất hoặc tinh thần, hay sáng tạo là tìm ra cái mới, cách giải quyết mới và không bị gò bó, phụ thuộc vào cái đó” [8]. Như vậy, sáng tạo là khả năng hoạt động để tạo ra cái mới độc đáo, có ích và hiệu quả, khả năng này đòi hỏi người học phải sử dụng trí tuệ để thực hiện. Người học có năng lực sáng tạo được thể hiện ở khả năng tư duy sáng tạo trong các hoạt động liên quan đến học tập như tìm ra được phương pháp thực hiện tốn ít thời gian nhưng hiệu quả hoặc đưa ra ý tưởng mới, tạo ra được một sản phẩm mới, độc đáo.

#### **\* Kĩ năng tự điều chỉnh trong học tập**

Tự điều chỉnh trong học tập là quá trình tham gia vào các hoạt động học tập và có sự rút kinh nghiệm để đạt được mục tiêu học tập cao hơn. Trong quá trình học tập thì tự điều chỉnh là đặc điểm rất quan trọng vì nó có thể trở thành động cơ học tập, quá trình này được biểu hiện cụ thể như sau:

Xác định được nội dung cần học và nội dung chưa hiểu, tự kiểm tra xem mình ghi nhớ được kiến thức học trên lớp chưa, so sánh kết quả học tập ở các thời điểm khác nhau và đề ra mục tiêu học tập tiếp theo.

**\* *Kỹ năng giao tiếp xã hội***

Là một kỹ năng hoạt động tương tác của con người trong cộng đồng. Ở phạm trù học tập thì kỹ năng giao tiếp xã hội là kỹ năng tương tác với bạn bè, thầy cô, gia đình, chuyên gia, những người có liên quan đến hoạt động học tập, được diễn ra ở nhà trường hay trong cộng đồng nhằm xác định thông tin, tìm kiếm thông tin, thiết lập các mối quan hệ và thúc đẩy hoạt động học tập.

Sự biểu hiện của kỹ năng giao tiếp xã hội thường được xác nhận bởi ngôn ngữ nói (động viên, khuyến khích, chê bai, thuyết phục), sự kiên trì lắng nghe, quan sát và phản biện đúng thời điểm. Kỹ năng này được dùng để đánh giá quá trình thực hiện mục tiêu và thúc đẩy họ có sự thay đổi về hành vi, đồng thời cho phép người học nhạy bén trong quá trình thu thập thông tin.

**\* *Kỹ năng giải quyết vấn đề***

Đây là kỹ năng hoạt động trí tuệ để chia nhỏ thông tin về sự vật, hiện tượng, phát hiện ra nhiều khía cạnh của vấn đề, kỹ năng này được phát triển thông qua quá trình luyện tập của người học, quá trình luyện tập hữu ích nhất là tranh luận trên các diễn đàn hoặc nhóm học tập. Phân tích được những yếu tố tác động chủ yếu, thứ yếu vào quá trình hoạt động cũng như kết quả học tập để đưa ra cách giải quyết phù hợp. Kỹ năng này được biểu hiện như: Khả năng ghi nhớ kiến thức đã học, đối chiếu các nguồn thông tin, suy đoán vấn đề để phân tích sự vật, hiện tượng, đề ra giải pháp thực hiện và thực hiện thành công.

**\* *Kỹ năng thực hành***

Là kỹ năng hoạt động cần sự phối hợp của chân tay, trí tuệ, tâm lí, kỹ năng này được đánh giá thông qua các thao tác để tạo ra những sản phẩm cụ thể.

Kỹ năng thực hành có thể được biểu hiện như: Biết sử dụng thành thạo công cụ ICT, phần mềm tiện ích để phân tích số liệu định lượng. Áp dụng kiến thức để giải quyết vấn đề thực tế, mô phỏng nội dung học tập thành bảng biểu sơ đồ mô hình... để làm sáng tỏ vấn đề, thực hiện các hoạt động thí nghiệm một cách hứng thú và chính xác.

**\* *Kỹ năng đánh giá***

Đánh giá thông tin là một hoạt động để nhận định, xác nhận giá trị thực trạng của thông tin nhằm hỗ trợ cho việc ra quyết định và rút ra bài học kinh nghiệm.

Đánh giá nhu cầu học tập: Xác định được lợi ích của hoạt động học tập để từ đó xây dựng mục tiêu học tập cho bản thân, bên cạnh đó cũng ước lượng được khả năng hoạt động có thể được thực hiện. Thông qua hoạt động đánh giá để đưa ra giải pháp hành động nhằm giải quyết một vấn đề dựa trên những yếu tố có thực, có cơ sở để điều chỉnh hoạt động của bản thân.

**2.2.3. Đề xuất cấu trúc khung năng lực tự học trong dạy học**

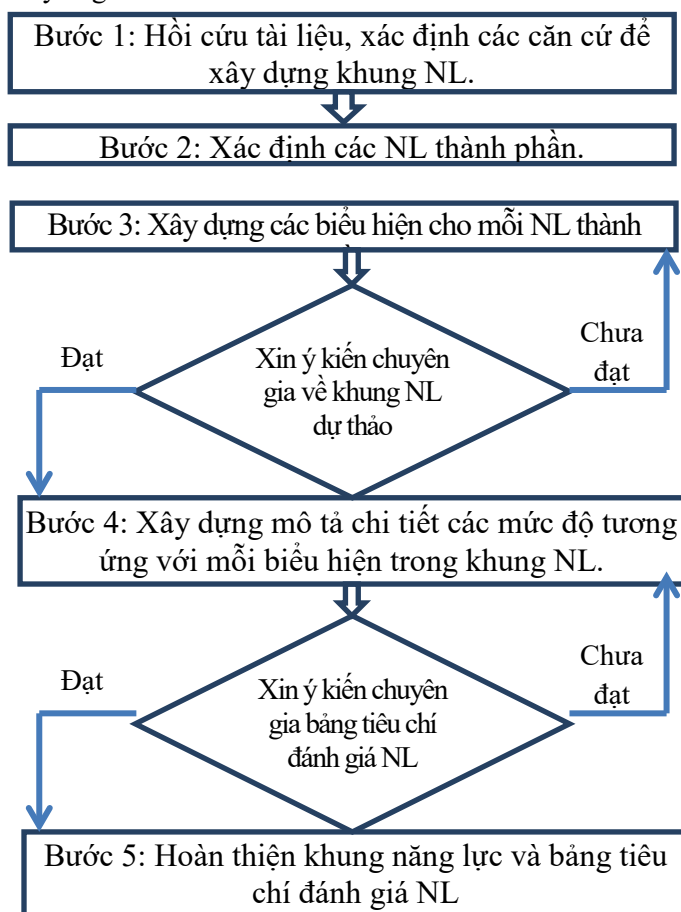
**\* *Quy trình xây dựng khung năng lực tự học cho HS THPT***

Khung NLTH cho HS THPT được xây dựng theo quy trình gồm 7 bước như Hình 1.

Đầu tiên, chúng tôi nghiên cứu các tài liệu trong nước và quốc tế có liên quan đến NLTH dành cho HS THPT. Với mục tiêu xây dựng cấu trúc khung năng lực phù hợp với thực tiễn giáo dục ở Việt Nam nhưng cũng tiếp cận theo xu hướng chung của quốc tế.

Các văn bản là cơ sở xác định năng lực thành phần trong NLTH dành cho HS THPT. Sau khi đề xuất các năng lực thành phần, chúng tôi tiến hành mô tả những biểu hiện của mỗi năng lực. Khung năng lực dự thảo gồm các biểu hiện và tiêu chí được gửi đến chuyên gia là những giảng viên và nhà nghiên cứu am hiểu lĩnh vực tự học trong dạy học nói chung, môn Hóa học nói riêng, cùng với một số GV có kinh nghiệm ở trường phổ thông. Sau khi nhận được ý kiến phản hồi từ chuyên gia, khung NLTH dự thảo được điều chỉnh lại và tiếp tục được gửi đi để xin ý kiến. Quá trình này được lặp đi, lặp lại đến khi có sự đồng thuận cao từ phía chuyên gia. Để thuận tiện trong việc thiết kế các công cụ đánh giá NLTH cho người học, chúng tôi tiếp tục đề xuất hệ thống tiêu chuẩn, tiêu chí mô tả các mức độ năng lực tương ứng với những biểu hiện.

Bảng hệ thống tiêu chuẩn, tiêu chí này cũng được phản biện và điều chỉnh thông qua phương pháp khảo sát ý kiến chuyên gia.



**Hình 1. Quy trình xây dựng khung năng lực tự học cho học sinh Trung học phổ thông**

**\* Cấu trúc khung năng lực tự học của HS THPT**

Sau quá trình phản biện của các chuyên gia và điều chỉnh, chúng tôi đề xuất khung NLTH dành cho HS THPT gồm 7 tiêu chuẩn và 26 chỉ số tương ứng. 7 tiêu chuẩn được đề xuất tương ứng với 7 nội dung công việc mà HS thường xuyên thực hiện trong quá trình học tập các chủ đề tích hợp ở trường THPT (xem Bảng 1).

**Bảng 1. Khung năng lực tự học dành cho học sinh Trung học phổ thông**

Stt	Tiêu chuẩn	Tiêu chí (biểu hiện)
1	Kỹ năng lập kế hoạch	1. Xác định đầy đủ các công việc cần làm. 2. Xác định yêu cầu của từng công việc. 3. Phân phối thời gian hợp lý cho từng công việc. 4. Sắp xếp các công việc một cách hợp lý. 5. Xác định yêu cầu của kế hoạch.
2	Kỹ năng sáng tạo	1. Chọn đúng phương pháp học tập hiệu quả. 2. Đưa ra được ý tưởng mới, sáng kiến hay. 3. Tạo ra sản phẩm mới, độc đáo.

3	Kĩ năng tự điều chỉnh trong học tập	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Xác định nội dung cần học và nội dung chưa hiểu.</li> <li>2. Tự kiểm tra sự ghi nhớ kiến thức trên lớp.</li> <li>3. So sánh kết quả học tập và đề ra mục tiêu học tập.</li> </ol>
4	Kĩ năng giao tiếp xã hội	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Sử dụng ngôn ngữ nói trong động viên, khuyến khích, chê bai, thuyết phục.</li> <li>2. Kiên trì lắng nghe, quan sát trong khi giao tiếp.</li> <li>3. Phản biện đúng thời điểm.</li> </ol>
5	Kĩ năng giải quyết vấn đề	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Ghi nhớ kiến thức đã học.</li> <li>2. Đối chiếu nguồn thông tin.</li> <li>3. Suy đoán vấn đề để phân tích định tính sự vật, hiện tượng.</li> <li>4. Đề ra giải pháp thực hiện và thực hiện thành công.</li> </ol>
6	Kĩ năng thực hành	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Sử dụng thành thạo công cụ ICT, phần mềm tiện ích để phân tích số liệu định lượng.</li> <li>2. Áp dụng kiến thức để giải quyết vấn đề thực tế.</li> <li>3. Mô phỏng nội dung học tập thành bảng biểu sơ đồ mô hình... để làm sáng tỏ vấn đề.</li> <li>4. Thực hiện các hoạt động thí nghiệm một cách hứng thú và chính xác.</li> </ol>
7	Kĩ năng đánh giá	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Xác định được lợi ích của hoạt động học tập.</li> <li>2. Xây dựng mục tiêu học tập phù hợp với bản thân.</li> <li>3. Đề ra giải pháp hành động phù hợp với bản thân.</li> <li>4. Điều chỉnh hoạt động học tập của bản thân.</li> </ol>

Chúng tôi đề xuất 4 mức độ ứng với mỗi biểu hiện như sau:

- *Mức 0: Chưa có năng lực:* HS không có biểu hiện này trong các hoạt động học tập.
- *Mức 1: Có năng lực ở mức độ thấp:* HS có biểu hiện nhưng không thường xuyên và không tích cực (áp dụng rập khuôn, ít sự phản biện, sáng tạo riêng của bản thân).
- *Mức 2: Có năng lực ở mức độ trung bình:* HS biểu hiện khá thường xuyên và tích cực (có sự đánh giá, phản biện và sáng tạo riêng của bản thân).
- *Mức 3: Có năng lực ở mức độ cao:* HS biểu hiện thường xuyên và tích cực (có sự đánh giá, phản biện và sáng tạo riêng của bản thân). Có thể hướng dẫn và chia sẻ với người khác.

#### 2.2.4. Thực trạng tự học của học sinh Trung học phổ thông

##### \* *Tự đánh giá năng lực tự học của học sinh*

Quá trình rèn luyện NLTH được diễn ra ngay trong quá trình HS nỗ lực cố gắng tự học để lĩnh hội tri thức và kĩ năng nghề nghiệp. Vậy HS đã rèn luyện được những NLTH cơ bản nào, những khó khăn của HS khi rèn luyện NLTH là gì? Để tìm hiểu vấn đề này, chúng tôi đã sử dụng phương pháp điều tra bằng angket kết hợp với quan sát và trao đổi trực tiếp với 515 HS của 12 lớp (4 lớp khối 10 = 186 HS; 4 lớp khối 11 = 137 HS; 4 lớp khối 12 = 192 HS) thuộc 4 trường THPT (công lập, ngoài công lập) ở Hải Phòng. Kết quả điều tra được trình bày ở Bảng 2.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, các kĩ năng thành phần của NLTH mà chúng tôi đưa ra để HS tự đánh giá đều có tỉ lệ ở mức độ thực hiện thường xuyên thấp. Điều đó chỉ ra, chất lượng thực hiện các kĩ năng tự học của HS chưa vững chắc. Xét về trình độ phát triển tâm lí, nhân cách lứa tuổi HS là tuổi hoàn thiện các kĩ năng học tập để có thể tự học suốt đời. Vì vậy, nhược

điểm nêu trên của HS về NLTH đòi hỏi chúng ta cần quan tâm hơn nữa đến công tác bồi dưỡng khả năng tự học cho các em.

Khi tìm hiểu nguyên nhân của thực trạng trên chúng tôi thấy, theo kết quả tự đánh giá của HS, những khó khăn chủ quan đầu tiên của họ trong rèn luyện NLTH là thiếu kiến thức về phương pháp tự học (80,1%); sau đó là bản thân chưa thấy hết tầm quan trọng của rèn luyện NLTH (50,0%); bản thân chưa tích cực tự học (55,8%).

**Bảng 2. Kết quả điều tra kỹ năng thành phần năng lực tự học của học sinh Trung học phổ thông**

Năng lực tự học	% theo mức độ			
	3	2	1	0
<i>Kỹ năng lập kế hoạch</i>				
1. Xác định đầy đủ các công việc cần làm	49,2	39,7	8,1	3,0
2. Xác định yêu cầu của từng công việc	26,1	70,5	2,2	1,2
3. Phân phối thời gian hợp lí cho từng công việc	10,4	65,4	20,6	3,6
4. Sắp xếp các công việc một cách hợp lí	15,5	65,4	16,9	2,2
5. Xác định yêu cầu của kế hoạch	24,4	56,0	13,2	6,4
<i>Kỹ năng sáng tạo</i>				
1. Chọn đúng phương pháp học tập hiệu quả	38,6	50,0	2,2	9,2
2. Đưa ra được ý tưởng mới, sáng kiến hay	19,1	47,2	28,6	5,1
3. Tạo ra sản phẩm mới, độc đáo	24,2	53,9	16,9	5,0
<i>Kỹ năng tự điều chỉnh trong học tập</i>				
1. Xác định nội dung cần học và nội dung chưa hiểu	13,9	20,4	56,6	9,1
2. Tự kiểm tra sự ghi nhớ kiến thức trên lớp	11,7	48,8	38,2	1,3
3. So sánh kết quả học tập và đề ra mục tiêu học tập	24,6	52,4	22,1	0,9
<i>Kỹ năng giao tiếp xã hội</i>				
1. Sử dụng ngôn ngữ nói trong động viên, khuyến khích, chê bai, thuyết phục	13,9	49,7	33,8	2,6
2. Kiên trì lắng nghe, quan sát trong khi giao tiếp	60,9	34,5	1,5	3,1
3. Phản biện đúng thời điểm	44,8	52,2	1,2	1,8
<i>Kỹ năng giải quyết vấn đề</i>				
1. Ghi nhớ kiến thức đã học	19,1	70	3,6	7,3
2. Đối chiếu nguồn thông tin	8,8	60,3	30,1	0,8
3. Suy đoán vấn đề để phân tích định tính sự vật, hiện tượng	11,8	79,8	5,1	3,3
4. Đề ra giải pháp thực hiện và thực hiện thành công	41,1	37	17,6	4,3
<i>Kỹ năng thực hành</i>				
1. Sử dụng thành thạo công cụ ICT, phần mềm tiện ích để phân tích số liệu định lượng.	13,2	30,3	50,9	5,6
2. Áp dụng kiến thức để giải quyết vấn đề thực tế.	5,4	6,7	65,6	22,3
3. Mô phỏng nội dung học tập thành bảng biểu, sơ đồ, mô hình... để làm sáng tỏ vấn đề.	28,8	41,1	22,8	7,3
4. Thực hiện các hoạt động thí nghiệm một cách hứng thú và chính xác.	20,5	62,1	11,6	5,8
<i>Kỹ năng đánh giá</i>				
1. Xác định được lợi ích của hoạt động học tập	32,2	41,2	17,1	9,5
2. Xây dựng mục tiêu học tập phù hợp với bản thân	19,1	51,2	27,9	1,8
3. Đưa ra giải pháp hành động phù hợp với bản thân	22,1	56,3	19,1	2,5
4. Điều chỉnh hoạt động học tập của bản thân	15,4	43,8	36,2	4,6

*Mức 0: Không bao giờ thực hiện, Mức 1: Chưa biết thực hiện, Mức 2: Thực hiện chưa thường xuyên, Mức 3: Thực hiện thường xuyên*

Những khó khăn khách quan được HS đánh giá là: không có người giúp đỡ về kinh nghiệm tự học (66,9%); GV chưa yêu cầu cao đối với HS (49,2%); môi trường nhà trường không thuận lợi cho tự học (47,1%).

**\* Thực trạng bồi dưỡng năng lực tự học cho học sinh**

Quá trình học tập ở trường THPT là quá trình nhận thức bước đầu mang tính chất nghiên cứu của HS. Đây là công việc mới và phức tạp đối với HS. Vì vậy, trong quá trình rèn luyện NLTH các em cảm thấy bản thân chưa có những kinh nghiệm học tập phù hợp, đồng thời sự hỗ trợ về phương pháp tự học cho HS của GV, tập thể còn hạn chế. Để HS có thể nắm được các NLTH rất cần có sự hướng dẫn, làm mẫu của GV, bạn bè trong lớp, nhóm học tập... Song thực tế công tác này còn nhiều bất cập. Kết quả điều tra của chúng tôi cho thấy:

Nội dung bồi dưỡng kiến thức về cách thức thực hiện kỹ năng tự học chưa được quan tâm đầy đủ: trang bị kiến thức về cách lập kế hoạch tự học (16,2%), giao tiếp xã hội (24,3%), giải quyết vấn đề (27,9%), thực hành (24,3%)...

Những phương pháp bồi dưỡng có hiệu quả cao đến rèn luyện cho HS NLTH ít được sử dụng như: yêu cầu HS xây dựng kế hoạch tự học (25,7%), yêu cầu HS lập kế hoạch đọc tài liệu tham khảo (39,7%), thường xuyên giao nhiệm vụ tự học cho HS (36,8%), thường xuyên kiểm tra nhiệm vụ tự học (14,7%), tổ chức cho HS tự đánh giá và đánh giá người khác theo chuẩn của GV đề ra (11,1%), tổ chức cho HS tự đánh giá và đánh giá người khác theo chuẩn tự xây dựng (6,9%)...

Hình thức bồi dưỡng còn nghèo nàn, chủ yếu là HS tự tìm tòi (69,8%). Những hình thức bồi dưỡng từ phía nhà trường ít được thực hiện: lớp tổ chức trao đổi kinh nghiệm tự học (9,5%); nhà trường tổ chức hội nghị trao đổi phương pháp tự học (8,1%); tổ chức nói chuyện về phương pháp tự học (4,4%); bồi dưỡng chuyên đề (6,6%)...

Thực trạng trên cho thấy, nhà trường, GV chưa thực sự quan tâm, tạo điều kiện và cơ hội để HS rèn luyện NLTH. HS phải tự tích lũy kinh nghiệm tự học nên kinh nghiệm tự học của HS được hình thành một cách tự phát.

### **2.3. Một số biện pháp nâng cao năng lực tự học cho học sinh**

Căn cứ vào những phân tích ở mục 2.2.4 kết hợp với một số nghiên cứu của tác giả (Vũ Quốc Chung [11], Lê Thị Bảo Ngọc [12]; Nguyễn Thị Nhị [13]; Võ Thị Thiệu [14], Linda Leach [9]) chúng tôi nhận thấy, GV có thể can thiệp vào hoạt động học tập của HS để nâng cao NLTH cho các em. Cụ thể là:

**\* Tác động vào tâm lý lứa tuổi**

GV nên khoan dung, khích lệ kịp thời về sự không chắc chắn những kết luận của HS, câu trả lời không toàn vẹn, thậm chí ngay cả khi các em phạm sai lầm, làm như vậy sẽ duy trì sự quan tâm của HS, khuyến khích các em biết chấp nhận rủi ro, tận dụng những điểm mạnh, thay vì cứ để ý đến điểm yếu giúp HS vượt qua thất vọng, tự ti và cuối cùng là phá vỡ các rào cản, mạnh dạn, tự tin để đạt được mục tiêu ban đầu.

GV nên ủng hộ người học khám phá những ý tưởng mới được nảy sinh trong các cuộc thảo luận ở lớp, trường để phát triển tư duy, sáng tạo của người học.

Cho phép HS theo đuổi lợi ích cá nhân vì sự đam mê một vấn đề học tập nào đó mà không có sự đe dọa của đánh giá chính thức để quá trình học tập trở nên có ý nghĩa, tạo điều kiện để tư duy phân tích đạt đến chiều sâu.

**\* Tạo môi trường học tập tích cực**

Môi trường học tập là nơi HS thực hiện các hoạt động học tập, thời gian và không gian không bị bó hẹp và lớp học chỉ là một trong nhiều nơi diễn ra hoạt động học tập nhưng môi trường đó phải thân thiện, an toàn, đủ nguồn tài liệu để HS tự do lựa chọn thời điểm học tập, cách học phù hợp với bản thân.

Môi trường tích cực có thể thu hẹp khoảng cách thành tích giữa các học sinh xuất thân từ các nền tảng nền kinh tế xã hội khác nhau và giữa các học sinh có các khả năng học tập mạnh và yếu khác nhau. Ngoài ra, nó có khả năng phá vỡ những ảnh hưởng tiêu cực do xuất phát từ nền tảng kinh tế xã hội thấp và giảm thiểu các yếu tố nguy cơ đe dọa đến thành tích học tập.

#### **\* Phương pháp dạy học của GV**

GV có thể sử dụng nhiều PPDH tích cực như: dạy học giải quyết vấn đề, dạy học khám phá, dạy học dự án để rèn luyện và nâng cao NLTH song cần chú ý đến các hoạt động cụ thể sau:

- Nâng cao nhận thức, vai trò của HS trong hoạt động học qua việc khuyến khích HS tham gia vào các cuộc thảo luận có chủ đề định hướng giáo dục để HS nhận ra khả năng của bản thân, rèn luyện tư duy phản biện;

- Tăng cường tổ chức hoạt động học tập theo nhóm để rèn luyện kỹ năng giao tiếp xã hội, kỹ năng tự điều chỉnh bản thân giúp thích nghi với sự tồn tại của một tập thể học tập, tự học được một số kỹ năng từ bạn;

- GV nên xây dựng các chủ đề học tập phong phú gắn với cuộc sống thực và vừa sức với người học để HS tự do lựa chọn theo thể mạnh của bản thân. Trao quyền quyết định thực hiện các hoạt động học tập cho HS ngay từ ban đầu;

- GV có thể tổ chức các hoạt động học tập thông qua một bộ câu hỏi được thiết kế chu đáo và thông báo trước với HS để các em chủ động định hướng hoạt động học tập như lập kế hoạch, thu thập và xử lý số liệu, huy động các bên có liên quan..., dự đoán các kỹ năng học tập cần được triển khai;

- Xây dựng thói quen tự giám sát bằng cách khuyến khích HS suy nghĩ về những gì đã làm và cố gắng làm để sửa đổi nếu như chưa thành công, sau đó là lưu giữ thành quả học tập một cách có chủ đích;

- GV là người giám sát, hỗ trợ HS trong các hoạt động học tập, tạo nên cầu nối để HS có thể liên lạc kịp thời qua email, facebook, điện thoại hoặc gặp trực tiếp.

### **3. Kết luận**

Trong dạy học ở THPT, các kỹ năng của NLTH mà chúng tôi đã phân tích có vai trò rất quan trọng, nó là cơ sở cho việc dạy học phát triển phẩm chất, năng lực người học, nhất là đối với HS ở các trường THPT hiện nay. Bài báo đã chỉ ra quy trình xây dựng khung năng lực tự học cho HS THPT; Cấu trúc khung năng lực tự học của HS THPT gồm 7 tiêu chuẩn, 26 tiêu chí; nghiên cứu thực trạng năng lực tự học của học sinh Trung học phổ thông và đề xuất một số biện pháp nâng cao năng lực tự học cho học sinh.

Kết quả cho thấy những khó khăn chủ quan đầu tiên của HS trong rèn luyện NLTH là thiếu kiến thức về phương pháp tự học (80,1%), sau đó là bản thân chưa thấy hết tầm quan trọng của rèn luyện NLTH (50,0%) và bản thân chưa tích cực tự học (55,8%). Qua điều tra kỹ năng thành phần năng lực tự học của học sinh Trung học phổ thông, kết quả cũng cho thấy những khó khăn khách quan được HS đánh giá là: không có người giúp đỡ về kinh nghiệm tự học (66,9%); GV chưa yêu cầu cao đối với HS (49,2%); môi trường nhà trường không thuận lợi cho tự học (47,1%).

Từ khảo sát thực trạng cho thấy việc nâng cao NLTH cho học sinh là vô cùng cần thiết trong giai đoạn hiện nay. Khung NLTH giúp GV xác định được những kỹ năng đặt ra cho HS trong các bài học, từ đó xây dựng nội dung dạy học và lựa chọn phương pháp dạy học phù hợp hơn. Đồng thời tạo cơ hội cho HS tự tham gia và tự đánh giá quá trình giúp các em nhận biết được những gì nên làm và cần phải hoàn thiện để đạt kết quả tự học tập tốt nhất. Để hình thành và rèn luyện được cho HS NLTH, tự nghiên cứu trong dạy học là một vấn đề thách thức, đòi hỏi GV phải có đủ trình độ, tâm huyết và đặc biệt là phương pháp dạy học.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Cảnh Toàn, 2001. Tuyển tập tác phẩm (tập 1) *Tự giáo dục, tự học, tự nghiên cứu*. Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [2] N.A.Rubakin, 1982. *Tự học như thế nào*. Nhà xuất bản Thanh niên.
- [3] Lưu thị Lương Yên, Nguyễn Thị Ngọc Bích, 2016. *Phát triển năng lực tự học của học sinh thông qua việc sử dụng sơ đồ tư duy dạy học phần Hidrocacbon - Hóa học 11 THPT*. Tạp chí khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Vol. 61, Số 6, tr.136-145.
- [4] Nguyễn Cảnh Toàn, 2001. Tuyển tập tác phẩm (tập 2), *Tự giáo dục, tự học, tự nghiên cứu*. Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [5] Vũ Xuân Lương, 2011. *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng.
- [6] Taylor, B, 1995. Self- directed learning: Revisiting an idea most appropriate for middle school students, (ERIC Document No. ED395287).
- [7] Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018. *Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể*. Hà Nội.
- [8] Trần Bá Hoàn, 1998. *Vị trí của tự học, tự đào tạo trong quá trình dạy học, giáo dục và đào tạo*. Tạp chí Nghiên cứu Giáo dục.
- [9] Linda Leach, 2000. *Self-directed learning: Theory and practice*, Submitted in fulfillment of the requirements for the doctor of philosophy, At the University of technology, Sydney.
- [10] Philip Candy, 1991. *Self-direction for lifelong learning: A comprehensive guide to theory and practice*, San Francisco, Jossey- Bass.
- [11] Vũ Quốc Chung, Lê Hải Yến, 2001. *Để tự học đạt được hiệu quả*. Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [12] Lê Thị Bảo Ngọc, 2016. *Một số giải pháp động lực học tập cho học sinh bậc phổ thông*. Tạp chí Khoa học Giáo dục, Số 134, tr. 59-60.
- [13] Nguyễn Thị Nhị, 2016. *Bồi dưỡng năng lực tự học cho học sinh thông qua việc sử dụng sơ đồ tư duy trong dạy học Vật lý ở trường THPT*. Tạp chí Khoa học Giáo dục, Số 127 tr. 7-8.
- [14] Võ Thị Thiệu, 2017. *Đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực người học*. Proceeding Development trends in Education in a globalized world, TP Hồ Chí Minh, tr. 483-488.

## ABSTRACT

### **Setting up a self-study competence framework and assessing a self-study reality of students in high schools**

Luong Quoc Thai

*Hai Phong Department of Education and Training*

In teaching reality, self-study plays a vital role. Studying at school is restricted to a certain period of time; however, self-study is a long-term process, a long life-study one. The effect of self-study depends on the willings, motivations, and abilities of learners. Therefore, developing self-study competence of students is an important and essential task of teaching process in high schools. Self-study competence is formed and developed only if learners are willing, motivated, competent as well as have suitable self-study methods. This article focuses on presenting a self-study competence framework and the reality of developing self-study competence of high school students.

**Keywords:** Self-study, competency, measure, expression, skill, high school.